

KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2011
(Đính kèm Tờ trình số 964/TTr-TCBQ ngày 15/07/2011)

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
VỤ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN (chỉ tiêu: 05 TCNH, 03 KTKT, 01 Luật KT, 02 KTS hoặc KSXD)														
1	Vũ Đình	Nghĩa	29/10/1988	139	TCKT2	NHTC	67.7	79	72.5	80	20	166.7	Con BB 3/8	x
2	Bùi Thị Hải	Vân	04/11/1987	173	TCKT2	NHTC	68.7	54	61.5	80		122.7		x
3	Trần Hồng	Khanh	29/5/1988	127	TCKT2	NHTC	42.7	51	65.5	76	20	113.7	Con TB	
4	Phạm Thị	Vân	20/3/1985	174	TCKT5	NHTC	58.0	53	56.5	68		111.0		x
5	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/6/1988	119	TCKT5	NHTC	39.7	42	78.5	52		81.7		
6	Nguyễn Minh	Châu	07/12/1987	104	TCKT5	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
7	Phạm Thị	Thương	18/4/1988	160	TCKT5	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
8	Lê Thị	Trang	03/3/1987	164	TCKT5	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
9	Hoàng Thị Ngọc	Phượng	01/5/1984	029	TCKT5	KTKT	68.3	44.5	70.5	72	20	132.8	Con TB	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiểm thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
10	Nguyễn Thị Thùy	Hoa	27/11/1987	014	TCKT5	KTKT	70.3	62	72	52		132.3		x
11	Ngô Thị Hải	Yến	08/9/1988	040	TCKT1	KTKT	67.0	65	70	80		132.0		x
12	Đỗ Tùng	Lâm	09/8/1987	018	TCKT5	KTKT	59.7	51	72.5	68	20	130.7	Con TB 4/4	x
13	Mai Thị Thu	Hà	18/11/1986	010	TCKT5	KTKT	54.7	73	82	72		127.7		
14	Nguyễn Thị	Định	11/7/1988	006	TCKT5	KTKT	64.3	63	58	76		127.3		
15	Nguyễn Thanh	Huyền	25/12/1988	016	TCKT5	KTKT	76.3	51	98	84		127.3		
16	Kiều Bạch	Tuyết	05/12/1988	038	TCKT5	KTKT	63.7	60	78	76		123.7		
17	Nguyễn Thị	Dung	10/12/1988	007	TCKT5	KTKT	56.0	67	74.5	72		123.0		
18	Nguyễn Thị Hải	Hà	10/12/1987	011	TCKT5	KTKT	41.7	61	64.5	80	20	122.7	Con BB 2/3	
19	Nguyễn Khánh	Huyền	23/5/1988	015	TCKT5	KTKT	74.0	47	70.5	72		121.0		
20	Nguyễn Thị	Nhàn	20/4/1988	026	TCKT5	KTKT	62.3	58	73.5	60		120.3		
21	Trịnh Thị	Hạnh	10/11/1987	013	TCKT5	KTKT	47.7	51.5	76.5	56	20	119.2	Con TB 4/4	
22	Nguyễn Thị	Thơ	17/10/1987	033	TCKT5	KTKT	64.0	54.5	77	80		118.5		
23	Phạm Thị	Hà	15/4/1988	012	TCKT5	KTKT	53.3	64	93	52		117.3		
24	Nguyễn Thị	Châm	15/9/1988	003	TCKT5	KTKT	62.7	50	72	60		112.7		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiểm thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
25	Nguyễn Thị Thanh	Nga	26/12/1986	023	TCKT5	KTKT	71.0	41	74	72		112.0		
26	Hoa Phong	Lan	30/11/1984	019	TCKT5	KTKT	66.0	44.5	62.5	64		110.5		
27	Phạm Thị	Thành	04/12/1986	032	TCKT5	KTKT	65.7	43	64.5	68		108.7		
28	Nguyễn Thị	Dân	09/3/1985	005	TCKT5	KTKT	63.3	45	78.5	68		108.3		
29	Lê Thị Thùy	Linh	12/7/1988	020	TCKT5	KTKT	49.0	58	74	60		107.0		
30	Nguyễn Thị	Thanh	05/8/1988	031	TCKT5	KTKT	45.7	38.5	56	56	20	104.2	Con BB 2/3	
31	Trần Thị Hoa	Huyền	06/2/1987	017	TCKT5	KTKT	52.0	50.5	50.5	60		102.5		
32	Trịnh Tuấn	Dũng	22/10/1987	008	TCKT1	KTKT	38.0	63	86	72		101.0		
33	Trần Thị	Quý	22/9/1987	030	TCKT5	KTKT	51.0	47	58.5	44		98.0		
34	Bùi Thị Thu	Phương	19/4/1985	027	TCKT5	KTKT	67.0	29	68.5	64		96.0		
35	Lại Thị Thanh	Phương	06/5/1989	028	TCKT5	KTKT	44.0	46	65.5	60		90.0		
36	Bùi Thị Thu	Hà	30/9/1988	009	TCKT5	KTKT	39.3	46	66.5	52		85.3		
37	Hà Thu	Thùy	26/11/1988	036	TCKT5	KTKT	39.0	46	70.5	52		85.0		
38	Đặng Thanh	Thúy	25/12/1989	034	TCKT5	KTKT	43.0	25	Miễn thi tiếng Anh	56		68.0		
39	Tăng Thị Quỳnh	Ngọc	02/2/1983	024	TCKT5	KTKT	25.3	38.5	50	44		63.8		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
40	Nguyễn Thị Tú	Anh	22/8/1988	002	TCKT5	KTKT	0.0	0	0	0		0.0		
41	Hồ Phan Thanh	Loan	08/11/1987	021	TCKT5	KTKT	0.0	0	0	0		0.0		
42	Cao Thị	Quỳnh	11/4/1987	196	TCKT4	Luật KT	28.0	43	56.5	64		71.0		
43	Bùi Hữu	Hải	10/10/1984	048	TCKT3	Kiến trúc	71.7	51	54	52		122.7		x
44	Vũ Thị Thu	Hương	26/10/1985	049	TCKT3	Kiến trúc	56.7	42	51	60	20	118.7	Con TB 2/4	
45	Phạm Trung	Kiên	06/2/1986	050	TCKT3	Kiến trúc	40.0	32.5	31.5	44		72.5		
46	Đào Duy	Tùng	27/10/1987	203	TCKT3	XD dân dụng	66.7	17	92.5	64	20	103.7	DT thiếu số	
47	Ngô Hùng	Vương	14/6/1982	204	TCKT3	XD dân dụng	0.0	0	0	0		0.0		

VĂN PHÒNG (chỉ tiêu: 03 NHTC hoặc KTDN hoặc Kinh tế; 01 Luật KT; 01 QLHC hoặc VTLT)

1	Đinh Ngọc	Diệp	15/10/1988	053	VP1	Kinh tế	65.3	71	95.5	88		136.3		x
2	Trần Hoàng	Linh	04/9/1989	060	VP1	Kinh tế	57.0	76	74	68		133.0		x
3	Nguyễn Thị Kim	Liên	30/11/1986	079	VP1	KTDN	71.0	60	97	80		131.0		x
4	Vũ Thị	Du	02/2/1985	068	VP1	KTDN	76.3	52	92.5	84		128.3		
5	Nguyễn Mạnh	Linh	10/4/1987	058	VP1	Kinh tế	61.3	62	90	72		123.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
6	Vũ Ngọc	Quỳnh	18/8/1988	148	VP1	NHTC	69.3	53	89	72		122.3		
7	Phạm Thị Phương	Thanh	18/9/1988	151	VP1	NHTC	70.0	52	53.5	60		122.0		
8	Mai Thị	Huyền	08/10/1989	056	VP1	Kinh tế	59.3	51	72.5	60		110.3		
9	Lê Ngọc	Thắng	02/2/1985	063	VP1	Kinh tế	53.7	52	69.5	72		105.7		
10	Vũ Bảo	Ngọc	29/5/1987	062	VP1	Kinh tế	53.3	52	82	72		105.3		
11	Ngô Thị Mỹ	Chi	05/10/1988	105	VP1	NHTC	56.7	32	79	64		88.7		
12	Đặng Thị	Trang	06/11/1988	162	VP1	NHTC	31.7	36	66	52	20	87.7	Con TB 4/4	
13	Nguyễn Thị	Thư	22/7/1987	157	VP1	NHTC	41.0	44	51	52		85.0		
14	Phạm Minh	Hằng	10/11/1987	054	VP1	Kinh tế	0.0	0	0	0	20	20.0	DT Mường	
15	Phạm Thị	Oanh	26/2/1987	193	VP2	Luật KT	46.3	52	63	84		98.3		
16	Nguyễn Thái	Son	17/6/1984	205	VP3	Hành chính học	57.3	77	62	64		134.3		x
17	Nguyễn Thành	Tường	22/4/1985	206	VP3	Hành chính học	52.0	51	51.5	44	20	123.0	Con TB, NVQ Sự	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ (chỉ tiêu: 01 TCNH, 01 QTNL)														
1	Bùi Lệ	Hằng	27/7/1989	113	TCCB1	NHTC	68.0	63	73.5	56		131.0		x
2	Trần Thị Hà	Châu	15/6/1987	042	TCCB1	QTNL	60.7	51.5	58	64	20	132.2	Con BB 2/3	x
3	Trần Thị	Lanh	23/1/1983	046	TCCB1	QTNL	63.0	64	88.5	72		127.0		
4	Phạm Thu	Hoài	17/8/1989	044	TCCB1	QTNL	59.0	58	71	72		117.0		
5	Vũ Thị Tuyết	Anh	21/9/1987	041	TCCB1	QTNL	0.0	0	0	0		0.0		
6	Đỗ Thùy	Dung	21/2/1987	043	TCCB1	QTNL	0.0	0	0	0		0.0		
7	Khúc Thị Thu	Hương	21/2/1988	045	TCCB1	QTNL	0.0	0	0	0		0.0		
8	Bùi Phương	Nguyễn	20/5/1987	047	TCCB2	QTNL	0.0	0	0	0		0.0		
VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI (chỉ tiêu: 02 KTDN, 01Luật QT, 02 NHTC)														
1	Bùi Thị Thu	Nga	27/9/1988	086	QLNHI	KTDN	78.7	70	90.5	88		148.7		x
2	Đỗ Ngọc	Hà	06/2/1988	070	QLNHI	KTDN	86.3	62	91.5	84		148.3		x
3	Bùi Xuân	Minh	29/3/1987	085	QLNHI	KTDN	79.0	57	96.5	80		136.0		
4	Đặng Thị Thanh	Huyền	01/7/1984	077	QLNHI	KTDN	80.3	52	94.5	88		132.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
5	Trần Ngọc	Lan	05/2/1984	078	QLNH1	KTDN	73.3	58	93.5	60		131.3		
6	Phạm Thị Thu	Hằng	22/9/1988	071	QLNH1	KTDN	74.0	55	65.5	56		129.0		
7	Đoàn Thị	Thúy	26/10/1986	092	QLNH1	KTDN	76.0	52	81	64		128.0		
8	Phùng Thị Mai	Ly	17/4/1988	082	QLNH1	KTDN	74.3	51	77.5	64		125.3		
9	Phạm Thị Thu	Hoài	11/10/1988	074	QLNH1	KTDN	68.7	54	90.5	64		122.7		
10	Trần Mai	Hồng	30/7/1988	075	QLNH1	KTDN	70.0	52	93	76		122.0		
11	Vũ Thanh	Tùng	04/10/1987	094	QLNH1	KTDN	76.3	45	73	80		121.3		
12	Bùi Thị Thanh	Vân	23/3/1987	095	QLNH1	KTDN	70.0	51	83	72		121.0		
13	Đào Thị Hồng	Quên	11/1/1987	088	QLNH1	KTDN	55.0	42	80.5	60	20	117.0	Con TB 4/4	
14	Đinh Thị Thúy	An	01/5/1987	066	QLNH1	KTDN	65.0	51	72	52		116.0		
15	Hoàng Thị Lê	Mai	22/11/1986	083	QLNH1	KTDN	63.3	52	90	68		115.3		
16	Nguyễn Thị Thủy	Dung	14/10/1987	069	QLNH1	KTDN	58.7	44	79.5	64		102.7		
17	Bùi Thị Thủy	Linh	20/9/1988	080	QLNH1	KTDN	53.3	41	86	52		94.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
18	Phạm Thị Mai	Vân	29/10/1987	096	QLNH1	KTDN	57.3	34	95	56		91.3		
19	Đỗ Thùy	Linh	14/2/1989	081	QLNH1	KTDN	45.0	30	98	72		75.0		
20	Mai Thanh	Nghị	25/5/1986	087	QLNH1	KTDN	0.0	0	0	0		0.0		
21	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/10/1988	190	QLNH2	Luật QT	36.3	31	90	64		67.3		
22	Nguyễn Hương	Giang	30/7/1987	110	QLNH3	NHTC	51.7	58	98	52		109.7		x
23	Đặng Hoàng	Diệp	18/7/1987	108	QLNH3	NHTC	51.7	53	67.5	72		104.7		x

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ (chỉ tiêu: 01 KTDN, 01 KTDN tiếng Nga, 01 NHTC)

1	Nguyễn Thị Ánh Mai	Mai	30/4/1988	084	HTQT2	KTDN	76.3	64	92	64		140.3		x
2	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Hiền	02/12/1983	073	HTQT1	KTDN	77.7	62	92.5	64		139.7		
3	Nguyễn Thùy Trang	Trang	17/3/1988	093	HTQT3	KTDN	79.7	59	Miễn thi tiếng Nga	68		138.7		x
4	Đinh Quang Thắng	Thắng	22/9/1982	089	HTQT1	KTDN	80.0	52	Miễn thi tiếng Anh	68		132.0		
5	Lê Hải Anh	Anh	19/9/1987	067	HTQT1	KTDN	68.3	60	94	52		128.3		
6	Trần Hoài Thu	Thu	15/6/1986	090	HTQT1	KTDN	53.0	31	83	60		84.0		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
7	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	21/9/1987	072	HTQT1	KĐTN	0.0	0	0	0		0.0		
8	Nguyễn Tuấn	Anh	02/11/1988	101	HTQT1	NHTC	73.3	66	89.5	84		139.3		x
9	Đặng Quang	Trung	22/12/1987	169	HTQT2	NHTC	55.0	56	72	76	20	131.0	Con TB	
10	Lê Quốc	Việt	05/8/1988	176	HTQT1	NHTC	53.7	57	Miễn thi tiếng Anh	52		110.7		
11	Nguyễn Thanh	Hoa	07/8/1988	120	HTQT2	NHTC	38.7	39	Miễn thi tiếng Anh	68		77.7		
12	Lại Thị Vũ	Yến	31/10/1988	178	HTQT1	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		

SỞ GIAO DỊCH (chỉ tiêu: 01 NHTC, 01 KTKT, 01 Tin)

1	Đình Thu	Hà	21/2/1988	112	SGD1	NHTC	55.7	63	81	60		118.7		x
2	Vũ Kim	Thư	15/11/1988	158	SGD1	NHTC	47.0	44	73.5	52		91.0		
3	Lê Thị Tố	Uyên	07/4/1988	172	SGD1	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		

CỤC CÔNG NGHỆ TIN HỌC (chỉ tiêu: 01 Tin KT, 01 KSXD, 07 Tin)

1	Mai Tuấn	Dũng	25/10/1986	209	CNTH1	Tin học - Phần cứng	78.3	68	79.5			146.3		x
2	Lê Thị Thu	Hồng	15/6/1984	222	CNTH5	Tin học - Phần mềm	75.0	57	73.5			132.0		x

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiểm thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
3	Thái Thanh	Son	06/8/1984	228	CNTH2	Tin học - Phần mềm	73.7	51	70			124.7		x
4	Nguyễn Ngọc	Hoàn	11/6/1981	210	CNTH1	Tin học - Phần cứng	71.7	52	40			123.7		
5	Phạm Mạnh	Hùng	26/2/1982	224	CNTH2	Tin học - Phần mềm	66.7	56	83			122.7		x
6	Nguyễn Văn	Hoàn	09/12/1985	221	CNTH2	Tin học - Phần mềm	70.3	52	77.5			122.3		x
7	Nguyễn Thị Thu	Phương	17/3/1988	227	CNTH2	Tin học - Phần mềm	68.0	54	75.5			122.0		x
8	Khổng Minh	Thảo	10/11/1986	229	CNTH2	Tin học - Phần mềm	68.3	53	68.5			121.3		x
9	Vũ Đỗ	Dìn	17/6/1983	219	CNTH2	Tin học - Phần mềm	69.7	51	88			120.7		
10	Dương Viết	Triu	18/5/1986	215	CNTH3	Tin học - Phần cứng	68.0	32	74		20	120.0	Con TB 4/4	
11	Lý Quang	Tùng	06/11/1984	216	CNTH3	Tin học - Phần cứng	68.3	51	Miễn thi tiếng Anh			119.3		
12	Trịnh Thị Mai	Hoa	27/10/1988	233	CNTH3	Tin kinh tế	50.0	69	73.5			119.0		
13	Nguyễn Thị	Thanh	20/12/1986	213	CNTH3	Tin học - Phần cứng	61.3	51	72.5			112.3		
14	Nguyễn Minh	Cường	14/8/1987	208	CNTH3	Tin học - Phần cứng	60.0	51	65			111.0		
15	Nguyễn Thạc	Hùng	21/12/1985	223	CNTH2	Tin học - Phần mềm	52.7	45	Miễn thi tiếng Anh			97.7		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiểm thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
16	Dương Thị	Thu	12/5/1986	230	CNTH2	Tin học - Phần mềm	61.3	36	59.5			97.3		
17	Đặng Thị Thanh	Nga	02/5/1985	226	CNTH2	Tin học - Phần mềm	42.7	46	71.5			88.7		
18	Lê Việt	Ánh	06/9/1987	207	CNTH3	Tin học - Phần cứng	58.3	28	Miễn thi tiếng Anh			86.3		
19	Khương Thị Thanh	Bình	06/5/1987	217	CNTH2	Tin học - Phần mềm	44.7	41	88.5			85.7		
20	Nguyễn Thị	Doan	01/4/1987	220	CNTH2	Tin học - Phần mềm	49.3	36	67.5			85.3		
21	Dương Văn	Anh	21/10/1986	232	CNTH2	Tin kinh tế	51.7	32	70.5			83.7		
22	Nguyễn Thị	Len	25/3/1986	211	CNTH3	Tin học - Phần cứng	38.3	41	56.5			79.3		
23	Nguyễn Thu	Liên	23/10/1985	212	CNTH3	Tin học - Phần cứng	40.0	33	66			73.0		
24	Nguyễn Thị Thu	Thùy	21/3/1982	214	CNTH3	Tin học - Phần cứng	46.7	0	0			46.7		
25	Lê Ngọc	Cánh	02/6/1984	218	CNTH2	Tin học - Phần mềm	0.0	0	0			0.0		
26	Đinh Thị	Huyền	16/10/1988	225	CNTH2	Tin học - Phần mềm	0.0	0	0			0.0		
27	Nguyễn Văn	Việt	27/7/1986	231	CNTH2	Tin học - Phần mềm	0.0	0	0			0.0		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
VỤ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ (chỉ tiêu: 01 Toán KT)														
1	Trần Thị	Thanh	04/2/1986	100	CSTT	Toán KT	61.3	52	59	72		113.3		x
2	Tạ Thị Hương	Thảo	11/8/1985	098	CSTT	Toán KT	23.7	27	41.5	56		50.7		
3	Trần Thành	Luân	12/11/1986	097	CSTT	Toán KT	0.0	0	0	0		0.0		
4	Nguyễn Ngọc	Bình	15/8/1989	099	CSTT	Toán KT	0.0	0	0	0		0.0		
VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (chỉ tiêu: 01 NHTC, 01 KTKT)														
1	Phạm Mai	Trang	05/12/1988	166	KTNB	NHTC	55.3	51	58	60		106.3		x
2	Dương Thị Phương	Thùy	19/8/1988	035	KTNB	KTKT	53.7	53	56.5	80	20	126.7	Con TB 4/4	x
3	Hồ Thị Minh	Trung	01/8/1986	037	KTNB	KTKT	67.0	57.5	66	80		124.5		
4	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/8/1987	001	KTNB	KTKT	56.7	60	82	80		116.7		
5	Nguyễn Mạnh	Cương	10/5/1986	004	KTNB	KTKT	64.3	40	60	64		104.3		
6	Võ Thị Thu	Ngọc	08/9/1987	025	KTNB	KTKT	57.0	38.5	82	68		95.5		.
VỤ DỰ BÁO THÔNG KÊ TIỀN TỆ (chỉ tiêu: 01 NHTC hoặc Kinh tế hoặc Toán KT, 01 Tin)														
1	Chu Hoàng Ngọc	Bích	28/5/1989	052	TKTT2	Kinh tế	64.7	62	84.5	84		126.7		x
2	Phạm Thị Lệ	Thu	08/1/1989	156	TKTT2	NHTC	56.0	41	53	40		97.0		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN TÍN DỤNG QUỐC TẾ ODA (chỉ tiêu: 01 NHTC, 01 KTKT, 01 Tin KT)														
1	Hoàng Thị	Hằng	15/5/1987	114	ODA2	NHTC	48.3	58	Miễn thi tiếng Anh	52		106.3		
2	Nguyễn Thị	Nga	30/11/1988	022	ODA1	KTKT	52.3	40	51.5	68	20	112.3	Con TB	
3	Tạ Thị Hồng	Vân	31/5/1987	039	ODA1	KTKT	54.3	50.5	60.5	76		104.8		x
VỤ PHÁP CHẾ (chỉ tiêu: 05 Luật)														
1	Trịnh Việt	Hà	06/1/1985	183	PC1	Luật KT	53.0	70	50.5	68	20	143.0	Con TB	x
2	Thái Lan	Anh	13/4/1986	181	PC2	Luật KD	60.3	74	83	68		134.3		x
3	Phạm Ngọc	Hiếu	24/8/1987	187	PC1	Luật KT	51.7	54	91	76	20	125.7	Con TB	x
4	Nguyễn Thị	Hà	10/9/1986	182	PC1	Luật KT	61.0	64	86.5	68		125.0		x
5	Nguyễn Thị Thúy	Vân	10/7/1988	200	PC3	Luật KT	55.0	66	64.5	48		121.0		
6	Nguyễn Thị Hồng	Hương	01/4/1986	189	PC3	Luật KT	56.0	63	74	80		119.0		x
7	Nguyễn Hoàng Thu	Yến	18/2/1986	202	PC3	Luật KT	54.3	60	68.5	68		114.3		
8	Dương Thị Hà	Quỳnh	12/2/1987	195	PC3	Luật DS	48.0	66	57	40		114.0		
9	Bùi Thanh	Huệ	30/6/1987	188	PC2	Luật KT	53.3	59	84.5	64		112.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
10	Lê Cẩm	Vân	10/1/1986	199	PC2	Luật KT	45.7	61	84	64		106.7		
11	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/2/1987	197	PC2	Luật KT	31.7	51	58	68	20	102.7	DT Mường	
12	Nguyễn Minh	Hàng	02/1/1987	184	PC3	Luật DS	49.3	51	94.5	64		100.3		
13	Dương Đức	Anh	09/11/1987	179	PC1	Luật KT	42.0	51	69.5	68		93.0		
14	Phạm Thị	Ngọc	22/2/1988	192	PC2	Luật KT	38.7	34	34.5	72	20	92.7	Con TB 4/4; DT	
15	Nguyễn Phương	Anh	24/9/1986	180	PC1	Luật KT	49.0	43	Miễn thi tiếng Anh	44		92.0		
16	Phạm Thị Hồng	Vân	21/9/1987	201	PC3	Luật DS	36.0	52	50.5	52		88.0		
17	Vũ Lê Thu	Trang	01/11/1988	198	PC1	Luật DS	28.7	53	67.5	52		81.7		
18	Phạm Thùy	Phương	03/7/1985	194	PC2	Luật KD	26.7	34	Miễn thi tiếng Anh	68		60.7		
19	Đinh Đức	Minh	24/1/1988	191	PC1	Luật KT	0.0	0	0	0		0.0		

CỤC PHÁT HÀNH & KHO QUỸ (chỉ tiêu: 03 NHTC)

1	Nguyễn Thủy	Giang	06/8/1988	111	PHKQ2	NHTC	74.3	63	82	60		137.3		x
2	Trần Thị	Nga	01/8/1988	137	PHKQ3	NHTC	61.7	57	86	56		118.7		x
3	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/4/1988	149	PHKQ3	NHTC	59.7	54	79	60		113.7		x

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
4	Vũ Thị	Nguyệt	12/6/1987	142	PHKQ1	NHTC	37.3	51	50.5	52		88.3		
5	Hồ Thanh	Hiền	15/9/1987	117	PHKQ2	NHTC	41.0	31				72.0		

VỤ TÍN DỤNG (chỉ tiêu: 05 NHTC hoặc KTĐN hoặc KTKT)

1	Dương Thị Thanh	Huyền	11/5/1988	124	TD5	NHTC	80.7	61	79	68		141.7		x
2	Phạm Thu	Hương	20/4/1987	076	TD2	KTĐN	80.0	61	Miễn thi tiếng Anh	64		141.0		x
3	Lê Thị Thanh	Mai	17/7/1985	134	TD1	NHTC	64.7	52	78	72	20	136.7	Con BB 2/3	x
4	Đường Thu	Trang	01/2/1988	163	TD2	NHTC	64.0	62	77.5	56		126.0		x
5	Vũ Thu	Hường	13/3/1986	123	TD4	NHTC	67.0	55	77.5	68		122.0		x
6	Lê Hồng	Cánh	23/7/1987	103	TD2	NHTC	64.0	55	77.5	64		119.0		
7	Nguyễn Thị Kim	Ngân	04/1/1988	138	TD2	NHTC	65.0	51	72	72		116.0		
8	Nguyễn Thị Thanh	Trang	21/5/1987	165	TD1	NHTC	44.7	51	68.5	76	20	115.7	Con BB 61%	
9	Lê Thị	Hiền	21/10/1987	118	TD3	NHTC	46.3	61	86.5	64		107.3		
10	Nguyễn Hoàng	Long	18/10/1985	132	TD2	NHTC	53.3	43	70	64		96.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
11	Trần Thị Phương	Hoa	14/8/1986	121	TD5	NHTC	51.0	36	71	0		87.0		
12	Nguyễn Bá	Việt	21/7/1980	177	TD5	NHTC	39.3	44	37	60		83.3		
13	Trần Thị Thu	Nương	01/7/1987	144	TD4	NHTC	39.7	27	0	0		66.7		
14	Nguyễn Chí	Trung	19/12/1985	170	TD5	NHTC	29.3	27	19.5	52		56.3		
15	Nguyễn Văn	Thường	20/02/1983	091	TD2	KTDN	27.3	4	89	44		31.3		
16	Đỗ Quỳnh	Như	25/8/1988	143	TD3	NHTC	31.3	0	78	60		31.3		
17	Nguyễn Lâm	Ngọc	17/11/1989	141	TD1	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
18	Nguyễn Văn	Phong	11/7/1988	145	TD1	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG (chỉ tiêu: 01 NHTC; 01 Luật KT)														
1	Vũ Thị	Hạnh	17/1/1986	116	TĐKT2	NHTC	52.7	52	73	60		104.7		x
CƠ QUAN THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG (chỉ tiêu: 06NHTC, 02 KTKT, 02 Luật KT, 01 Luật QT, 01 Kinh tế đầu tư)														
1	Phan Lê	Mai	17/5/1988	135	TTGS VII	NHTC	83.3	70	81	72		153.3		x
2	Đinh Thị Mai	Phương	16/8/1988	146	TTGS IV1	NHTC	70.3	38	73.5	84	20	128.3	Con TB 3/4	

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
3	Nguyễn Văn	Trường	26/11/1988	171	TTGS II	NHTC	64.0	60	69	72		124.0		x
4	Nguyễn Minh	Chi	30/7/1986	106	TTGS VI3	NHTC	60.0	61	Miễn thi tiếng Anh	64		121.0		x
5	Vũ Thiều	Trang	02/9/1986	168	TTGS IV1	NHTC	62.3	58	68	64		120.3		x
6	Đặng Thị	Thảo	07/1/1986	153	TTGS IV1	NHTC	70.0	50	72.5	52		120.0		x
7	Trương Thị Thùy	Trang	23/9/1986	167	TTGS V2	NHTC	64.0	53	69	80		117.0		x
8	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/1/1983	155	TTGS V1	NHTC	57.7	52	89	68		109.7		
9	Nguyễn Thị	Thành	17/2/1984	152	TTGS V2	NHTC	64.0	43	54	44		107.0		
10	Nguyễn Viết	Long	20/11/1988	133	TTGS VI2	NHTC	52.7	51	94	56		103.7		
11	Nguyễn Xuân Tổ	Anh	02/6/1985	102	TTGS V1	NHTC	55.0	39	81	68		94.0		
12	Vũ Phương	Thảo	16/5/1988	154	TTGS II	NHTC	42.3	51	78.5	52		93.3		
13	Lê Ngọc	Thùy	10/5/1985	161	TTGS VI2	NHTC	49.7	42	62.5	64		91.7		
14	Bùi Thị Thu	Lệ	06/3/1985	128	TTGS III	NHTC	34.3	51	Miễn thi tiếng Anh	68		85.3		
15	Lê Thị	Thắm	17/1/1987	150	TTGS VI2	NHTC	40.3	41	77.5	76		81.3		

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiểm thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
16	Nguyễn Thị	Loan	13/3/1987	130	TTGS IV1	NHTC	43.0	35	59	64		78.0		
17	Nguyễn Thị	Hồng	31/10/1988	122	TTGS V1	NHTC	39.0	28	84.5	56		67.0		
18	Bùi Thị Bích	Thuận	17/2/1985	159	TTGS V1	NHTC	38.3	27	59	72		65.3		
19	Nguyễn Thị	Huyền	14/8/1986	125	TTGS II	NHTC	0.0	0	0	0	20	20.0	Con BB 61%	
20	Bùi Thúy	Linh	13/01/1986	129	TTGS V1	NHTC	0.0	0	0	0	20	20.0	Con TB 4/4	
21	Đinh Văn	Cường	12/11/1988	107	TTGS VI3	NHTC	0.0	0	0	0	20	20.0	Con TB 4/4	
22	Bùi Thị Bích	Lộc	15/9/1988	131	TTGS V1	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
23	Nguyễn Thị	Huyền	08/11/1986	126	TTGS V2	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
24	Chu Thị Bích	Ngọc	02/9/1988	140	TTGS VII	NHTC	0.0	0	0	0		0.0		
25	Lê Thị Bích	Hạnh	21/8/1986	186	TTGS VII	Luật KT	47.0	53	32	80		100.0		
26	Phạm Thanh	Hằng	28/11/1986	185	TTGS - P.CRT	Luật QT	0.0	0	0	0		0.0		
27	Ngô Thùy	Linh	15/6/1987	057	TTGS III	Kinh tế	48.7	72	82	68		120.7		
28	Hoàng Thị Hồng	Yến	08/9/1988	065	TTGS III	Kinh tế	54.7	59	63	72		113.7		x

TT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Mã dự thi	Chuyên ngành dự thi	Điểm chuyên ngành	Kiến thức chung	Tiếng Anh	Tin học VP	Điểm ưu tiên	Điểm tổng	Ghi chú	Dự kiến trúng tuyển đợt đầu (x)
29	Nguyễn Thị Hồng	Linh	21/10/1981	059	TTGS III	Kinh tế	31.3	57	Miễn thi tiếng Anh	68	20	108.3	DT Tày	
30	Vũ Thanh	Mai	01/12/1988	061	TTGS III	Kinh tế	51.3	52	73.5	68		103.3		
31	Nguyễn Văn	Hoàng	19/8/1982	055	TTGS III	Kinh tế	48.7	52	61	64		100.7		
32	Đầu Thị	Thoa	28/1/1988	064	TTGS III	Kinh tế	42.0	38	77	64		80.0		
33	Hà Phương	Anh	11/10/1983	051	TTGS III	Kinh tế	40.7	38	60	56		78.7		
VỤ THANH TOÁN (chỉ tiêu: 03 NHTC)														
1	Lại Thị	My	30/5/1988	136	VTT	NHTC	67.0	70	76	64		137.0		x
2	Nguyễn Thị	Hạnh	09/5/1983	115	VTT	NHTC	76.0	53	73	56		129.0		x
3	Hoàng Anh	Quyên	17/5/1987	147	VTT	NHTC	68.7	43	83	80		111.7		
4	Đào Thùy	Dương	20/10/1984	109	VTT	NHTC	59.3	51	Miễn thi tiếng Anh	64		110.3		x
5	Trần Thị Khánh	Vân	04/9/1988	175	VTT	NHTC	23.7	32	55	64		55.7		

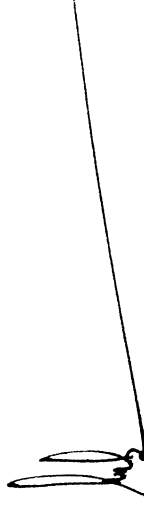
Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2011

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



PHÓ VỤ TRƯỞNG VỤ TCCB
Nguyễn Ngọc

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Lê Minh Hưng

THỦNG ĐỐC



Nguyễn Văn Giàu